

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Thanh Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vương Thị Dung
2. Ông Hoàng Xuân Mẫn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:**  
Ông Vũ Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 228/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp 5, xã L, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Số 28, đường Lê Lư, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn A, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Ấp 5, xã L, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Anh A có mặt tại phiên tòa, chị Hoàng đề nghị xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2020, bản khai, biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh A tự nguyện chung sống và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã La Ngà, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/8/2013. Quá trình chung sống thì vợ chồng không hạnh phúc, luôn xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, anh A thường xuyên uống rượu rồi ghen tuông vô cớ, chửi mắng vợ thậm tệ dẫn đến vợ chồng

thường xuyên cãi vã. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh A nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị và anh A có 02 con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 06/12/2006 và Nguyễn Sáng N, sinh ngày 31/01/2016. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục 02 con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

***- Theo biên bản làm việc ngày 23/6/2020 (biên bản này anh A không đồng ý ký tên và bỏ về sau khi làm việc với Tòa án) và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn A trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã La Ngà, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/8/2013. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng chị H tự ý mang con bỏ nhà đi thuê trọ sống ly thân với anh từ khoảng tháng 3/2020 đến nay. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 06/12/2006 và Nguyễn Sáng N, sinh ngày 31/01/2016. Anh yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị H không có tài sản chung và nợ chung.

***- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, tổng đặt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Tòa án xác định đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị H và anh A đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh A đã bỏ mặc hôn nhân thông qua việc không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Đề nghị cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

Về con chung: Con chung đang sống cùng mẹ và được chị H chăm sóc tốt, cháu Minh có nguyện vọng được ở cùng mẹ, chị H có công việc ổn định nên đề nghị giao 02 con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nên tạm thời anh A không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H, anh A được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn A cư trú tại xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về luật áp dụng: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Nguyễn Văn A đăng ký kết hôn năm 2013, áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Nguyễn Văn A tự nguyện kết hôn, hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã La Ngà và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/8/2013 nên được công nhận hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H: Qua xem xét lời trình bày của chị H, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị H và anh A thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương quan tâm chăm sóc nhau, thường xuyên cãi vã nhau. Như vậy, cuộc sống vợ chồng của chị H và anh A đã vi phạm quy định tại Điều 18 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, những mâu thuẫn gia đình đã xảy ra không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng chị H và anh A đã có mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, anh A cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh A theo quy định tại Điều 85, 88, 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về con chung: Chị H và anh A có 02 con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 06/12/2006 và Nguyễn Sáng N, sinh ngày 31/01/2016. Cả chị H và anh A đều có nguyện vọng nuôi hai con chung. Tại phiên tòa, anh A khai hiện nay anh làm nghề tự do thu nhập 300.000đ/ngày. Anh A cũng xác nhận cháu M hiện đang đi học, các con chung phát triển bình thường. Anh A hiện đang sống một mình và đi làm cả ngày. Hiện tại, các con chung đang sống cùng chị H và được chị H chăm sóc tốt, cháu M có nguyện vọng được ở cùng mẹ, chị H có công việc ổn định (buôn bán), nên giao 02 con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị

H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nên tạm thời anh A không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh A được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị H, anh A được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Xét quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 85, 88, 89, 91 92, 93, 94 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc H. Chị Nguyễn Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 06/12/2006 và Nguyễn Sáng N, sinh ngày 31/01/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm thời anh Nguyễn Văn A không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn A được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Nguyễn Ngọc H, anh Nguyễn Văn A được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0005138 ngày 08/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được chuyển thành tiền án phí. Chị H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Ngọc H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Các đương sự;
- UBND xã La Ngà;
- Lưu.

**Phan Thanh Hà**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thanh Hà**

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Các đương sự;
- UBND xã La Ngà;
- Lưu.

**Phan Thanh Hà**